

Số: **05** /2022/TT- BTTTT

Hà Nội, ngày **30** tháng **6** năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định, hướng dẫn thực hiện Nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và Nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện Nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và Nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định, hướng dẫn nghiệp vụ (bao gồm mục tiêu, nội dung

hoạt động, yêu cầu về nghiệp vụ, kỹ thuật, trách nhiệm thực hiện và công tác lập kế hoạch, giám sát thực hiện kế hoạch) trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về thông tin và truyền thông được quy định tại Nội dung 09 thuộc Nội dung thành phần số 02 và Nội dung 02 thuộc Nội dung thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là nội dung về thông tin và truyền thông).

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các nội dung về thông tin và truyền thông nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện các nội dung về thông tin và truyền thông

1. Thực hiện đầy đủ các nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

2. Đảm bảo phù hợp với khả năng tiếp cận của người dân ở khu vực nông thôn đối với các sản phẩm dịch vụ về thông tin và truyền thông, phù hợp với đặc thù các khu vực.

3. Phân định rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ về thông tin và truyền thông của các cơ quan Trung ương và các địa phương.

Điều 3. Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin và truyền thông cơ sở

1. Mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin và truyền thông cơ sở

a) Phát triển, hiện đại hóa hệ thống đài truyền thanh xã, có cụm loa đến các thôn, bản của xã;

b) Hiện đại hóa thiết bị kỹ thuật, số hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện của cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện.

2. Địa bàn thực hiện

Đối với thiết lập mới, nâng cấp các đài truyền thanh xã: Là các xã xây dựng nông thôn mới, trừ những xã thuộc các địa bàn sau đây (được thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025):

a) Xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 (xã khu vực III) được ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

b) Xã đảo: Là các xã được Thủ tướng Chính phủ công nhận theo tiêu chí, điều kiện, thủ tục công nhận xã đảo theo quy định tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Xã thuộc huyện đảo của các huyện, thành phố: Cô Tô, Vân Đồn, Cát Hải, Bạch Long Vĩ, Côn Cỏ, Hoàng Sa, Lý Sơn, Trường Sa, Phú Quý, Côn Đảo, Kiên Hải, thành phố Phú Quốc.

3. Điều kiện thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã và thiết bị kỹ thuật cho cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện

a) Đối với đài truyền thanh xã:

- Thiết lập mới đài truyền thanh cho các xã chưa có đài truyền thanh;
- Thay thế cụm loa có dây, không dây FM hư hỏng không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;
- Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với thôn, bản trong xã chưa có cụm loa để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin đến các hộ dân trong xã.

b) Đối với cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện:

Cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện chưa có các thiết bị kỹ thuật để số hóa sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

4. Nội dung, yêu cầu kỹ thuật, quy mô thiết lập mới, mở rộng đài truyền thanh xã, hệ thống cụm loa và trang thiết bị cho cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện

a) Đối với đài truyền thanh xã: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

Căn cứ tình hình thực tế, địa phương quyết định quy mô, số lượng cụm loa từng đài truyền thanh phù hợp; đảm bảo các đài truyền thanh xã có cụm loa đến các thôn, bản đáp ứng nội dung trong tiêu chí thông tin và truyền thông đối với xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

b) Đối với cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện chưa có thiết bị kỹ

thuật để số hóa sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện, căn cứ tình hình thực tế phục vụ hoạt động sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện, các địa phương quyết định danh mục thiết bị cần đầu tư, mua sắm phù hợp, gồm: Máy tính (có khả năng cài đặt phần mềm biên tập chương trình truyền hình, biên tập chương trình phát thanh); phần mềm biên tập chương trình truyền hình; phần mềm biên tập chương trình phát thanh; máy quay phim chuyên dụng; máy thu âm chuyên dụng (máy ghi âm); máy ảnh và các thiết bị kỹ thuật cần thiết khác. Việc mua sắm thiết bị kỹ thuật phải phù hợp với yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, nguồn lực; đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí.

5. Tổ chức thực hiện

Các địa phương căn cứ tình hình thực tế triển khai xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp quản lý; đảm bảo nhân lực, kinh phí duy trì hoạt động các hệ thống thiết bị để phát huy hiệu quả phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn.

Điều 4. Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn

1. Mục tiêu

a) Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn nhằm đáp ứng yêu cầu về hiện đại hóa công nghệ thông tin - truyền thông, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số khu vực nông thôn, đưa hoạt động của người dân lên môi trường mạng, bảo đảm an toàn, đồng bộ, kết nối liên ngành và liên vùng;

b) Phát triển các nền tảng số để phục vụ người dân khu vực nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng thực hiện: Các địa phương tham gia thực hiện Chương trình.

3. Nội dung thực hiện

a) Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, bao gồm phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng (hạ tầng cáp quang, hạ tầng mạng di động thế hệ mới), hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT)

- Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng:

+ Phát triển hạ tầng cáp quang để kết nối tới tất cả các hộ nông dân;

+ Phủ sóng điện thoại di động thế hệ mới (4G, 5G) tới tất cả khu vực nông thôn.

- Phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT)

Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) trong xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông thôn thông minh; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên

nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng tối đa hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

b) Phát triển các nền tảng số để phục vụ người dân khu vực nông thôn

Phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân (thuộc các lĩnh vực liên lạc, mua sắm, giải trí, sức khỏe, học tập, du lịch, đi lại, ăn uống) và các nền tảng số phục vụ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (thuộc các lĩnh vực thương mại điện tử, vận tải, thanh toán điện tử, hợp đồng điện tử...).

c) Các nội dung chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Yêu cầu thực hiện

a) Đối với phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng: Phát triển hạ tầng băng rộng tốc độ cao (Gb/s) đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số khu vực nông thôn;

b) Phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT) phù hợp với yêu cầu, đặc thù trong phát triển nông thôn thông minh tại từng địa phương;

c) Phát triển các nền tảng số để phục vụ người dân khu vực nông thôn đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin chủ động nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ để thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp, nông thôn;

- Đơn đốc, kiểm tra việc phát triển hạ tầng tại các địa phương theo định hướng, quy hoạch, kế hoạch của quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Trong đó, bố trí kinh phí, nguồn nhân lực để duy trì, vận hành các hệ thống sau khi được đầu tư;

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin phát triển hạ tầng số;

- Lựa chọn, thúc đẩy, phát triển, ứng dụng các nền tảng số phù hợp với đặc thù của địa phương để phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân khu vực nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn;

- Kiểm tra, giám sát công tác thực hiện tại địa phương mình;

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công

1. Mục tiêu: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng phục vụ chuyên đổi số nông thôn. Trong đó, đẩy mạnh kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu các cấp; nâng cao chất lượng cung cấp thông tin, giải quyết các thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện, cá thể hóa, giảm thời gian, chi phí khi thực hiện các thủ tục hành chính.

2. Đối tượng thực hiện: Các địa phương tham gia thực hiện Chương trình.

3. Nội dung thực hiện

a) Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Phát triển các kênh cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước cho người dân, bảo đảm cung cấp kịp thời các thông tin phục vụ quản lý nhà nước tới người dân và phổ biến những thông tin hữu ích cho người dân để phục vụ xây dựng nông thôn mới;

- Phát triển các kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước các cấp. Trong đó, tập trung phát triển hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để tiếp nhận, giải quyết, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu

Kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu của địa phương và của quốc gia để giảm thiểu giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính, bảo đảm người dân chỉ phải cung cấp dữ liệu một lần cho cơ quan nhà nước.

4. Yêu cầu thực hiện

- Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng tuân thủ theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và các văn bản hướng dẫn;

- Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu tuân thủ theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn.

5. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu các cấp theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Tổ chức triển khai xây dựng, duy trì, vận hành kênh cung cấp thông tin, kênh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đồng bộ, thông suốt tại chính quyền các cấp ở địa phương;

- Quản lý, giám sát và cải tiến chất lượng cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc;

- Kiểm tra, giám sát công tác thực hiện tại địa phương;

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 6. Thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã

1. Mục tiêu

Đảm bảo tỷ lệ cán bộ, công chức của xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 100% đối với các xã còn lại.

2. Đối tượng thực hiện

a) Thực hiện nhiệm vụ ở tất cả các xã; ưu tiên thực hiện đối với các xã thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Đối tượng thụ hưởng: Cán bộ, công chức cấp xã đang làm việc tại các xã.

3. Nội dung, quy mô thực hiện

a) Xây dựng khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số; kiến thức cơ bản về an toàn thông tin; Xây dựng tài liệu, học liệu, bài giảng điện tử phục vụ bồi dưỡng, tập huấn (bao gồm nội dung giảng dạy và nội dung các câu hỏi phục vụ kiểm tra, đánh giá kết quả);

b) Phát triển, hoàn thiện nền tảng học trực tuyến mở đại trà;

c) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn:

- Hình thức: Trực tuyến thông qua nền tảng;

- Thời gian tập huấn: Không quá 03 ngày/lớp.

d) Kết thúc quá trình bồi dưỡng, tập huấn, các cán bộ, công chức cấp xã sẽ thực hiện các bài kiểm tra để đánh giá chất lượng, hiệu quả đạt được sau khóa học, làm cơ sở để xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

4. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Xây dựng khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng số; kiến thức cơ bản về an toàn thông tin;

- Tổ chức xây dựng tài liệu, học liệu, bài giảng điện tử phục vụ bồi dưỡng, tập huấn;

- Phát triển, hoàn thiện, thúc đẩy sử dụng nền tảng học trực tuyến mở đại trà;

- Kiểm tra, giám sát công tác thực hiện.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo các cán bộ, công chức cấp xã thuộc địa bàn quản lý tham gia bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin theo Chương trình;

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu công tác quản lý thực hiện nhiệm vụ tại địa phương phù hợp với điều kiện cụ thể và phân cấp quản lý;

- Kiểm tra, giám sát công tác thực hiện;

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn

1. Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ người dân trong

độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức, kỹ năng số cơ bản tại tất cả các xã đạt trên 70%.

2. Đối tượng được phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin: Tất cả người dân ở khu vực nông thôn có nhu cầu, có khả năng tiếp cận, tìm hiểu kiến thức, kỹ năng số, ưu tiên người dân trong độ tuổi lao động, trong đó chú trọng phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ của các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ hợp tác xã, cán bộ không chuyên trách thôn, bản, giáo viên các trường phổ thông trên địa bàn xã để làm lực lượng nòng cốt tiếp tục là nguồn nhân lực tổ chức phổ biến kiến thức, kỹ năng số cho thành viên của tổ chức và người dân.

3. Nội dung chương trình phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn gồm:

a) Kỹ năng khai thác, sử dụng các ứng dụng di động, nền tảng số, dịch vụ trực tuyến trên mạng Internet, như: cách lập tài khoản và sử dụng sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, học trực tuyến và các nền tảng số khác; cách tìm kiếm, cài đặt, quản lý và trao đổi thông tin trên môi trường số thông qua các trang thông tin điện tử, ứng dụng di động, nền tảng số; hướng dẫn sử dụng các ứng dụng ngân hàng số (mobile banking), ví điện tử để thanh toán trực tuyến;

b) Kỹ năng sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, như: giới thiệu các dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn truy cập, tạo lập tài khoản, khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia và cổng dịch vụ công của địa phương;

c) Kiến thức cơ bản về an toàn thông tin mạng và kỹ năng tự bảo vệ, chống các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng cho cá nhân; nhận diện một số hình thức lừa đảo trên mạng;

d) Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính, như: đăng ký và sử dụng email; kỹ năng gõ phím, sử dụng các ứng dụng (như word, excel,...), cài đặt và sử dụng các phần mềm; tạo và sắp xếp các thư mục,...;

đ) Kiến thức, kỹ năng cơ bản về chuyên đổi số, kinh tế số, xã hội số, trong đó chú trọng các nội dung phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp, nông thôn;

e) Tổng quan về các nội dung liên quan đến người dân trong các chương trình, kế hoạch, đề án của Nhà nước về thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp, nông thôn (bao gồm kế hoạch của Trung ương, của địa phương);

g) Các kiến thức, kỹ năng số cơ bản khác.

Ngoài các nội dung nêu trên, tùy điều kiện thực tế, các địa phương căn cứ điều kiện và nhu cầu thực tế để bổ sung nội dung bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin phù hợp với các nhóm đối tượng.

4. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng, bổ sung chương trình, bài giảng, tài liệu (in và điện tử) phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn cho các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này, phù hợp với từng nhóm đối tượng thụ hưởng tại khoản 2 Điều này;

b) Xây dựng, vận hành nền tảng công nghệ hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn;

c) Tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn:

- Giảng viên: Là những người có trình độ từ cao đẳng trở lên, am hiểu về nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng và có khả năng phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số cho người dân, phù hợp với nhu cầu của từng địa phương;

- Thời gian và hình thức tổ chức phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn: Do các địa phương chủ động quyết định căn cứ nhu cầu và điều kiện thực tế.

Kết thúc mỗi đợt phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn, cơ quan tổ chức căn cứ tình hình thực tế có hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả đạt được sau khóa học để xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

d) Tổ chức các đoàn khảo sát, kiểm tra, đánh giá thực tế;

đ) Xây dựng các báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết công tác phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân khu vực nông thôn;

e) Thiết lập tổng đài tư vấn hoặc trợ lý ảo để hỗ trợ, tư vấn giải đáp thông tin kỹ năng số cho người dân nông thôn.

5. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì tổ chức xây dựng khung chương trình, tài liệu và bài giảng mẫu (in

và điện tử) phục vụ chung toàn quốc để phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn;

- Giới thiệu, tổ chức, hướng dẫn và phổ biến chương trình, tài liệu cho các địa phương;

- Xây dựng, vận hành nền tảng công nghệ hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến thuộc trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Tổ chức khảo sát, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ tại các địa phương;

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết công tác phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân khu vực nông thôn trên cả nước.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ:

- Hướng dẫn, tổ chức công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ tại địa phương:

- + Tuyên truyền, phổ biến, vận động nâng cao nhận thức người dân nông thôn tham gia phổ biến kiến thức về nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin;

- + Tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin (trực tiếp hoặc trực tuyến) cho cán bộ của các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ hợp tác xã, cán bộ không chuyên trách thôn, bản, giáo viên các trường phổ thông của địa phương làm lực lượng nòng cốt phổ biến lại kiến thức cho thành viên của tổ chức và người dân;

- + Tổ chức các lớp phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin (trực tiếp hoặc trực tuyến) cho người dân nông thôn, phù hợp với nhu cầu của từng địa phương.

- Bố trí kinh phí của Chương trình, nguồn ngân sách đối ứng của địa phương và huy động các nguồn lực khác để thực hiện nhiệm vụ tại địa phương theo quy định hiện hành của pháp luật;

- Xây dựng báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết công tác phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân khu vực nông thôn tại địa phương.

Điều 8. Gán mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam

1. Mục tiêu: Đến năm 2025 mỗi hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.

2. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật địa chỉ số để thu thập, tạo lập, gán mã, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; triển khai các giải pháp quản lý khai thác, sử dụng địa chỉ số; đảm bảo an toàn thông tin cho nền tảng và cơ sở dữ liệu địa chỉ số;

b) Thiết kế biển địa chỉ số;

c) Thông báo địa chỉ số thông qua các hình thức như: văn bản, tin nhắn, thư điện tử, tại hội nghị, gặp trực tiếp chủ địa chỉ số hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ;

d) Tổ chức sản xuất và gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu của chủ địa chỉ;

đ) Thông tin, tuyên truyền về phát triển, sử dụng nền tảng địa chỉ số và các nội dung khác liên quan đến địa chỉ số;

e) Quản lý, giám sát việc triển khai nền tảng và cơ sở dữ liệu địa chỉ số.

3. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm: Chủ trì, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các nội dung tại điểm a, b, đ, e của khoản 2 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm:

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện tại địa phương:

- Phối hợp thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia;

- Chủ trì, thực hiện nội dung tại điểm c, d khoản 2 Điều này;

- Thông tin, tuyên truyền và kiểm tra, giám sát công tác thông báo, gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức, khu di tích.

c) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tiếp nhận thông báo địa chỉ số, phối hợp gắn biển địa chỉ số; bảo quản an toàn biển địa chỉ địa số đã gắn vào địa chỉ.

Điều 9. Lập và giao kế hoạch thực hiện nội dung thông tin và truyền thông

1. Bộ Thông tin và Truyền thông lập kế hoạch thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông theo quy định tại Điều 5, Điều 7 của Nghị định gửi cơ quan chủ Chương trình (Theo nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

2. Các cơ quan chủ quản chương trình lập và giao kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về thông tin và truyền thông 5 năm, hằng năm khi lập, giao kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định; có trách nhiệm gửi Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này để tổng hợp, báo cáo cơ quan chủ chương trình theo quy định.

Điều 10. Giám sát, đánh giá thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông

1. Bộ Thông tin và Truyền thông giám sát thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Các cơ quan chủ quản Chương trình giám sát thực hiện nội dung thành phần thông tin và truyền thông trong phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 11. Báo cáo tình hình thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông

1. Các cơ quan chủ quản Chương trình, cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông có trách nhiệm báo cáo cho Bộ Thông tin và Truyền thông tình hình thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông hằng năm, giữa kỳ, đột xuất, kết thúc giai đoạn 5 năm theo quy định.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo gửi cơ quan chủ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các cơ quan liên quan theo quy định.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan quản lý thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của một số nội dung thông tin và truyền

thông thuộc Chương trình theo Quy chế quản lý, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia và theo hướng dẫn tại Thông tư này và theo quy định khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Tổ chức thực hiện và báo cáo, kiểm tra, giám sát thực hiện nội dung thông tin và truyền thông thuộc Chương trình tại địa phương theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo, giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trong việc tổ chức triển khai, quản lý thực hiện nội dung thông tin và truyền thông của Chương trình; tham mưu hướng dẫn quản lý khai thác, vận hành cơ sở vật chất hình thành từ việc thực hiện các nội dung này của Chương trình; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập các báo cáo về kế hoạch và tình hình thực hiện kế hoạch đối với các nội dung về thông tin và truyền thông tại địa phương, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan theo quy định.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HỘND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TTTT, UBND, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng điều phối Nông thôn mới Trung ương - Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; Các Vụ, Cục; Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, KHTC (350).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC

Bộ, ngành/ tỉnh, thành phố:

Số: /KH-

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
Nội dung thành phần về thông tin và truyền thông thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Kỳ kế hoạch:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

I. Nội dung: Thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị hành chính (Huyện/xã)	Số lượng thôn thuộc xã	Đơn vị tính	Hiện trạng đài truyền thanh xã đến nay			Thiết lập mới đài truyền thanh xã					Nâng cấp đài truyền thanh xã					Ghi chú
				Chưa có	Đã được đầu tư		Số lượng	Kinh phí thực hiện				Số lượng	Kinh phí thực hiện				
					Công nghệ	Năm đầu tư		Tổng số	NSTW	NSĐP	Nguồn khác		Tổng số	NSTW	NSĐP	Nguồn khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Huyện...																
1	Xã																
2	Xã																
3	Xã																
4	Xã																

....., ngày tháng năm 20....

Lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021-2025				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025				Ghi chú	
			Số lượng	Nguồn kinh phí			Số lượng	Nguồn kinh phí			Số lượng	Nguồn kinh phí			Số lượng	Nguồn kinh phí			Số lượng	Nguồn kinh phí				
				NSTW	Địa phương	Khác		NSTW	Địa phương	Khác		NSTW	Địa phương	Khác		NSTW	Địa phương	Khác		NSTW	Địa phương	Khác		
6	a) Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật địa chỉ số																							
	b) Thực hiện thông báo địa chỉ số	Địa chỉ																						
	c) Sản xuất, gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình, công trình, địa danh và đối tượng khác cần cấp địa chỉ	Địa chỉ																						
	d) Thông tin tuyên truyền về phát triển, sử dụng nền tảng địa chỉ số và các nội dung khác liên quan đến địa chỉ số																							
7	Các nội dung khác (nếu có)																							
	Tổng cộng																							

....., ngày tháng năm 20....

Lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)